

diện nước ngoài và những công dân nước ngoài ở nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Điều 8. — Những người vi phạm nguyên tắc và thể lệ xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm quy định trong nghị định này, tùy theo lỗi nhẹ hay nặng, sẽ bị phê bình, cảnh cáo hoặc truy tố trước tòa án; những văn hóa phẩm xuất khẩu hoặc nhập khẩu trái phép có thể bị tịch thu.

Điều 9. — Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài được phép thành lập một bộ phận trực thuộc Ủy ban chuyên trách việc quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm. Bộ phận này có nhiệm vụ giúp Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài thi hành những thể lệ, quy định về xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm, xét các đơn cấp giấy phép và giải quyết các việc khiếu nại. Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sẽ cử, mỗi Bộ một phái viên thường xuyên phối hợp công tác với bộ phận này.

Điều 10. — Các ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương, Bộ Công an, ông Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện và truyền thanh, trong phạm vi trách nhiệm của mình, có nhiệm vụ theo dõi tình hình xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm và thường kỳ họp với ông Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài để phối hợp giải quyết các công việc về xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm.

Điều 11. — Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài được quyền ủy nhiệm cho các ty và sở văn hóa, cấp giấy phép và kiểm tra việc xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm phi mậu dịch trong phạm vi trách nhiệm của địa phương. Trong khi làm việc này các ty và sở văn hóa phải phối hợp chặt chẽ với các ty và sở công an, với các tổ chức hải quan và bưu điện có liên quan. Hàng tháng các ty và sở văn hóa phải báo cáo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm về Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài.

Điều 12. — Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài, Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương, Bộ Công an, Tổng cục Bưu điện và truyền thanh chịu trách nhiệm thi hành và ra thông tư liên bộ hướng dẫn việc thi hành nghị định này.

Điều 13. — Những điều quy định trước đây về việc quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Hà-nội, ngày 1 tháng 6 năm 1966

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ số 93-TTg/TN ngày 6-6-1966 về việc miễn thi hành việc chuyển 30% vốn lưu động định mức của các xí nghiệp xây lắp bao thầu cho Ngân hàng kiến thiết để làm vốn cho vay trong định mức.

Để tăng cường sự giám đốc của ngân hàng và để tiết kiệm vốn của ngân sách, thể lệ hiện hành quy định là ngân sách Nhà nước chỉ cấp cho các xí nghiệp tối đa 70% vốn lưu động định mức, còn khoảng 30% thì chuyển cho Ngân hàng Nhà nước (đối với các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh) hoặc Ngân hàng kiến thiết (đối với các xí nghiệp xây lắp bao thầu) để làm vốn cho vay trong định mức.

Khác với các xí nghiệp sản xuất là chỉ có một định mức vốn lưu động dùng để dự trữ cả nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ, vật rẻ tiền mau hỏng, v.v..., các xí nghiệp xây lắp được cấp hai loại vốn có tính chất vốn lưu động là:

— Vốn lưu động định mức của xí nghiệp xây lắp: đây là một loại vốn lưu động « nhỏ », dùng để mua vật liệu phụ, vật rẻ tiền mau hỏng, v.v...

— Còn việc dự trữ vật liệu chính cần thiết cho thi công (là vốn lưu động « lớn ») thì do bên A cấp 100% dưới hình thức vốn của ngân sách tạm ứng qua Ngân hàng kiến thiết.

Như vậy, thông qua việc cấp phát vốn tạm ứng cho xí nghiệp xây lắp và thông qua việc cho vay dự trữ vật liệu theo thời vụ, cho vay dự trữ trên định mức vốn lưu động nhỏ, Ngân hàng kiến thiết có điều kiện giám đốc được toàn bộ vốn lưu động của xí nghiệp xây lắp, bao gồm cả vốn lưu động « lớn » và vốn lưu động « nhỏ ». Do đó, việc ngân sách chuyển 30% số vốn lưu động « nhỏ » của các xí nghiệp xây lắp sang Ngân hàng kiến thiết, chẳng những không cần thiết, mà còn gây thêm phiền phức về thủ tục giấy tờ.

Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ quyết định:

1. Từ năm 1966 trở đi, đối với các xí nghiệp xây lắp bao thầu của các Bộ, Tổng cục cũng như của các tỉnh và thành phố không áp dụng việc chuyển 30% định mức vốn lưu động nhỏ cho Ngân hàng kiến thiết làm vốn cho vay trong định mức nữa; vốn lưu động nhỏ định mức của các xí nghiệp này, từ năm 1966 trở đi, được ngân sách cấp phát 100%.

Khi duyệt vốn lưu động định mức kế hoạch cho các xí nghiệp xây lắp, các Bộ và ngành chủ quản, Bộ Tài chính và các sở, ty tài chính dựa

trên phương châm tiết kiệm vốn ngân sách mà duyệt mức vốn tối thiểu cần thiết cho hoạt động bình thường của xí nghiệp và thông báo cho Ngân hàng kiến thiết biết. Trường hợp do nhu cầu xây lắp đòi hỏi mà thiếu vốn thì các xí nghiệp xây lắp vay trên định mức ở Ngân hàng kiến thiết.

2. Ngân hàng kiến thiết cần có biện pháp tăng cường quản lý và giám đốc vốn lưu động nhỏ trong định mức của các xí nghiệp xây lắp bao thầu và cho vay trên định mức vốn đó, cũng như cấp phát vốn tạm ứng và cho vay dự trữ vật liệu chính vượt định mức vốn tạm ứng, để có tác động tốt đến toàn bộ hoạt động kinh tế và tài chính của các xí nghiệp xây lắp.

3. Các ông Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Bộ chủ quản xí nghiệp, các Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn thi hành thông tư này.

Hà-nội, ngày 6 tháng 6 năm 1966

T.M. Thủ tướng Chính phủ

Phò thủ tướng

PHẠM HÙNG

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

QUYẾT ĐỊNH số 438-BCN Ng/KT4 ngày 22-4-1966 ban hành quy phạm sát hạch thợ hàn nội hơi.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

Căn cứ nghị định số 183-CP ngày 2-11-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công nghiệp nặng ;

Căn cứ điều lệ « Chế tạo và sử dụng nồi hơi » của Bộ Công nghiệp ban hành ngày 11-7-1960 và điều lệ « Chế tạo và sử dụng an toàn các bình chịu áp lực » của Bộ Công nghiệp nặng ban hành ngày 20-10-1962 ;

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, tăng cường quản lý kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, bảo đảm chất lượng và quy cách sản phẩm, bảo đảm an toàn lao động,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành quy phạm « Sát hạch thợ hàn nội hơi » áp dụng cho các cơ quan, xí nghiệp, công trường và trường công nhân kỹ thuật trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng.

Điều 2. — Các cục, vụ, tổng công ty, công ty có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc hướng dẫn các đơn vị sản xuất, thi công và trường học thi hành quy phạm này.

Điều 3. — Bản quy phạm này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Hà-nội, ngày 22 tháng 4 năm 1966

K.T. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng

Thủ trưởng

NGUYỄN CHẤN

QUY PHẠM

sát hạch thợ hàn nội hơi.

(ban hành kèm theo quyết định số 438-BCN Ng/KT4 ngày 22-4-1966 của Bộ Công nghiệp nặng)

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Để nâng cao trình độ công nhân, bảo đảm chất lượng kỹ thuật, quy cách sản phẩm, bảo đảm an toàn lao động, việc sản xuất, lắp ráp và bảo quản các nồi hơi, nồi đun nước đến nhiệt độ trên 115°C, bình chịu áp lực kể cả thùng và bể chứa, các ống dẫn hơi, nước nóng và khí, các kết cấu kim loại của máy nâng bốc (cần cầu, cầu trục, máy xúc v.v....) cần phải sát hạch thợ hàn đạt kết quả mới được sử dụng như quy định trong hai bản điều lệ chế tạo và sử dụng nồi hơi và bình chịu áp lực của Bộ ban hành ngày 11-7-1960 và 20-10-1962.

Điều 2. — Nay quy định thể lệ và nội dung sát hạch thợ hàn trước khi đưa vào làm công tác hàn trong chế tạo, lắp ráp hay sửa chữa các thiết bị, máy móc nói trên điều 1.

Điều 3. — Công nhân dự thi phải đảm bảo các điều kiện sau đây :

- a) Tuổi từ 18 tuổi trở lên,
- b) Lý lịch trong sạch, rõ ràng,
- c) Văn hóa tương đương lớp 5,

672926

Tel: +84-4-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com